

BẢO TỒN DI SẢN VĂN HÓA TRUYỀN THỐNG CỦA CÁC DÂN TỘC RẤT ÍT NGƯỜI TRONG BỐI CẢNH PHÁT TRIỂN VÀ HỘI NHẬP

Đặng Thị Hoa⁽¹⁾

Trong bối cảnh hiện nay, việc bảo tồn, phát huy và gìn giữ những di sản văn hóa truyền thống của các dân tộc ít người đang trở nên hết sức cần thiết. Sự giao thoa văn hóa, biến đổi văn hóa bởi những thay đổi trong lối sống, ảnh hưởng của xu thế hiện đại hóa, văn hóa đô thị và văn hóa ngoại nhập đã và đang dần làm mất đi bản sắc tộc người của các dân tộc. Việc bảo tồn và phát huy những di sản văn hóa của các đồng bào các dân tộc cần phải được bắt đầu từ tổ chức nghiên cứu, sưu tầm, tôn tạo, phục dựng, tạo môi trường phát triển để cho các di sản đó sống lại và thực sự có ý nghĩa trong cộng đồng các dân tộc. Bài viết nêu bật giá trị văn hóa truyền thống của một số dân tộc rất ít người ở miền núi phía Bắc. Qua phân tích các giá trị văn hóa truyền thống này đã đưa ra các giải pháp thiết thực để bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa tốt đẹp đó.

Từ khóa: Di sản văn hóa vật thể; di sản văn hóa phi vật thể; bảo tồn di sản văn hóa truyền thống; văn hóa các dân tộc rất ít người

Việt Nam là quốc gia đa dân tộc, mỗi dân tộc trong đại gia đình dân tộc Việt Nam đều sáng tạo ra những yếu tố văn hoá riêng biệt, góp phần làm phong phú bản sắc độc đáo và đa dạng của văn hoá Việt Nam. Trong quá trình xây dựng nền văn hoá tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc, vấn đề kế thừa và phát huy truyền thống văn hoá dân tộc, giữ gìn bản lĩnh và bản sắc dân tộc là một trong những vấn đề có ý nghĩa quyết định. Trong đó vai trò của di sản văn hoá chiếm vị trí quan trọng. Vốn di sản văn hoá dân tộc được tích lũy từ trong lịch sử và là những thành tựu sáng tạo của nhân dân trong quá trình lao động, sản xuất.

Di sản văn hoá là toàn bộ sản phẩm do các thành viên trong cộng đồng dân tộc sáng tạo thể hiện ra dưới dạng những đối tượng vật thể (hữu hình) và phi vật thể (vô hình) mang tính biểu tượng được lan toả (vô thức) và trao truyền (hữu thức) từ cộng đồng này sang cộng đồng khác, từ thế hệ này sang thế hệ khác. Di sản văn hoá vật thể là một bộ phận quan trọng hợp thành cơ sở vật chất của nền văn hoá dân tộc. Nó là nơi diễn ra các hoạt động văn hoá và bảo lưu các giá trị văn hoá của thời đại.

Di sản văn hoá phi vật thể là các hiện tượng văn hoá tìm lại dưới dạng các quan niệm về giá trị và chuẩn mực xã hội, thể hiện ở trong các biểu tượng văn hoá, trong ngôn ngữ (gồm tiếng nói và chữ viết), trong các giá trị chuẩn mực xã hội (chuẩn mực về đạo đức, pháp lý, thẩm mỹ...), trong lối sống, nếp sống; trong phong tục tập quán tín ngưỡng, tôn giáo, trong các hoạt động văn hoá dân gian. Các giá trị văn hoá phi vật thể rất có ý nghĩa đối với sự phát triển văn hoá cộng đồng. Nó là phần “thiêng” trong đời sống tinh thần của mỗi dân tộc.

Hiện nay, các di sản văn hoá đang có xu hướng biến đổi cả về văn hoá vật thể và văn hoá phi vật thể. Bên cạnh sự mai một do thời gian, các di sản

văn hoá của các dân tộc thiểu số cũng đang dễ bị tổn thương trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập quốc tế. Với các dân tộc có dân số ít, văn hoá tộc người có xu hướng hòa trộn và biến đổi một cách mạnh mẽ. Các thành tố văn hóa vốn được tộc người gây dựng, vun đắp hàng nghìn năm qua đang trở nên thay đổi nhanh chóng với những yếu tố tác động bởi tình trạng cư trú xen kẽ, giao lưu văn hóa tộc người và cũng chịu ảnh hưởng của quá trình hiện đại hóa, đô thị hóa. Một số dân tộc có dân số ít được coi là những cư dân có mặt lâu đời ở vùng miền núi phía Bắc như Hà Nhì, Lô Lô, Pu Páo, Si La,... Các dân tộc cư trú xen kẽ trong các làng bản và chia thành 3 vùng sinh thái: Vùng thung lũng, vùng rẻo giữa và vùng rẻo cao. Các tộc người có dân số rất ít người thường tập trung ở vùng rẻo cao như Lô lô, Hà nhì, La hú, Pu páo,...

Di sản văn hoá của các tộc người có dân số ít được lưu giữ cho đến hiện nay khá đa dạng. Một trong những biểu tượng của di sản văn hoá đó là nhà sàn. Với một số tộc người, nhà sàn mang đậm nét sinh hoạt truyền thống của tộc người như Lô Lô, Si La nhưng cũng với một số tộc người khác, ngôi nhà trình tường với kiểu dáng phòng thủ lại là nét đặc trưng riêng như nhà của người Hà Nhì. Trang phục truyền thống của các tộc người có dân số ít cũng mang những nét đặc trưng rất riêng của tộc người và vẫn còn lưu giữ được cho đến ngày nay. Một số bộ trang phục được tạo dựng một cách rất cầu kỳ, sáng tạo và tạo nên bức tranh đặc sắc và đa dạng như các bộ trang phục của người Lô lô, Pu páo, Công, Hà nhì, Mảng,...

Trong kho tàng văn hóa phi vật thể, trước hết phải kể đến kho tàng về văn học dân gian với những nét riêng, độc đáo của các tộc người có dân số ít. Mỗi dân tộc trong vùng đều có một kho tàng sáng tác văn học dân gian với đủ thể loại từ tục ngữ, thành

ngũ, ca dao, đồng dao, các thần thoại cổ tích, truyện cười,... Các điệu múa, dân vũ trong sinh hoạt văn hóa dân gian của các dân tộc cũng mang đậm nét văn hóa riêng của từng dân tộc nhưng cũng thể hiện nét chung của vùng văn hóa. Dường như có một sở thích âm nhạc cho hầu hết các dân tộc Tây Bắc, đó là hệ thống nhạc cụ hơi, nhiều loại nhạc cụ được cả nước biết đến như “*chí pa pò*” (kèn lá), “*lả kỳ*” (đàn môi) chủ yếu bằng lá đồng, riêng nhóm Hà Nhì Hoa ở Mường Tè (Lai Châu) lại có cả loại đàn môi làm bằng tre rất cô kính, “*am ba*” là loại sáo ống ra tười sau khi gặt hái xong và chỉ dành cho con gái Hà Nhì tỏ tình với người mình yêu. Người Xá Phó có “*túy húy*” hay “*nát xi*” làm bằng ống trúc thổi dọc bằng mũi. Người Si La có sáo nứa “*bô té hê lè*” sáo sậy “*bemp*”, người Phù Lá thích thổi kèn,¹... Lễ hội “*khô già già*” của người Hà Nhì tổ chức tại khu rừng cấm đầu bản của người Hà Nhì. Trước khi mở lễ hội, cả bản lên núi tìm nguyên vật liệu về dựng cái nhà thờ “*gác hen lăm sô*” tại khu rừng cấm. Lễ vật cúng của lễ hội là một con trâu chưa vục cây, lông đen tuyền, không tật bệnh, trán không có xoáy trắng. Trong lễ hội, đồng bào Hà Nhì cũng tổ chức nhiều trò chơi như đu dây, đu quay, cầu bập bênh,... Đặc biệt, các chàng trai, cô gái chưa lập gia đình sẽ tụ tập tìm đôi lứa. Ngoài các trò chơi dân gian, các chị phụ nữ đã có gia đình sẽ cùng nắm tay nhau hát tập thể theo vòng tròn, khẳng định họ là mẹ lúa, cầu cho bông lúa vụ tới bông dài căng như vòng mùa của họ. Lễ hội “*Khô già già*” của người Hà Nhì là lễ cầu mùa tiêu biểu của cư dân Tạng – Miến².

Từ Lũng Cú tới Xín Cái - Mèo Vạc (Hà Giang) là các bản làng của gần 1.200 đồng bào Lô Lô. Nơi hành lễ là khu sân rộng giữa bản. Cúng xong, dân bản quây quần uống rượu, múa hát xung quanh bản lễ. Những làn điệu dân ca Tê Phua, Tê La, Hồ La Tê, Ta Si Phua chan chứa tình yêu quê hương, hạnh phúc lứa đôi. Ngày hội cầu mưa, người già gặp nhau nói chuyện nhà, chuyện trồng cây, cây lúa, chăn nuôi, chọn rể, cưới dâu. Với đám thanh niên, đây là dịp tìm người yêu qua câu hát giao duyên, bằng tiếng sáo cờ lê, sáo đôi. Các cô gái Lô Lô rực rỡ trong bộ váy áo mới, thêu hoa văn rực rỡ. Áo cổ vuông, tay áo được ghép bằng nhiều mảnh vải màu khác nhau, váy dài có thêu xanh, đỏ, vàng,... trên nền vải chàm xanh. Dây lưng thêu hoa cổ tựa rua sắc sỡ. Kết hợp với bộ trang phục truyền thống là những vòng cổ, vòng tay bằng bạc lóng lánh. Lễ hội cầu mưa của đồng bào Lô Lô mang tính tín ngưỡng phồn thực khá phổ biến ở các cư dân nông nghiệp. Vào dịp tổ chức lễ hội, hầu như mọi sinh hoạt của người Lô Lô đều hướng vào việc cầu mưa. Họ tâm nguyện, cầu khẩn, ước ao những hạt mưa rơi xuống tưới tắm cho cánh đồng Mèo Vạc ngày càng xanh tốt, cho dân bản được mùa, đời đời no ấm. Tiếp đến là lễ hội nhảy lửa thần bí của người Pà Thẻn. Thông thường, việc cúng phải bắt đầu trước lễ nhảy lửa khoảng bốn giờ đồng hồ. Lễ nhảy lửa thường được

tổ chức vào cuối năm, khi thời tiết đang bước vào thời kỳ khắc nghiệt nhất của mùa đông. Đồng lửa sẽ giúp mang lại sự ấm áp, mừng cho một vụ thu hoạch hoa màu vừa kết thúc và cầu thần linh phù hộ cho an khang thịnh vượng cũng như xua đuổi tà ma, bệnh tật.

Trên đây mới chỉ là những nét phác họa về văn hoá các dân tộc có dân số ít ở vùng miền núi phía Bắc. Thật khó có thể mô tả hết được kho tàng di sản văn hoá của đồng bào các dân tộc khu vực này. Tuy có sự khác nhau trong vùng cư trú, cảnh quan môi trường và văn hoá nhưng trong quá trình cộng cư, giao tiếp với nhau từ hàng nghìn năm trong lịch sử, các dân tộc đã hoà nhịp cùng nhau tạo nên vẻ đẹp riêng của mỗi tộc người trong một bức tranh đa sắc màu của các dân tộc đang chung sống hài hòa, yên bình xây dựng quê hương của họ.

Một số đặc trưng văn hóa tộc người của các dân tộc có dân số rất ít người ở khu vực miền núi phía Bắc

1. Dân tộc Cờ Lao

Dân tộc Cờ Lao cư trú tập trung chủ yếu ở các huyện Đồng Văn, Hoàng Su Phì, ngoài ra còn một bộ phận ở rải rác trong các huyện Mèo Vạc, Yên Minh, Quản Bạ, tỉnh Hà Giang. Người Cờ Lao có ba nhóm là Cờ Lao Đỏ, Cờ Lao Trắng và Cờ Lao Xanh. Cờ Lao từ lâu đã là tên gọi phổ biến cho một tộc danh, ba nhóm Cờ Lao cũng có tên tự gọi khác nhau: Vào Đỏ (Cờ Lao Đỏ), Tứ Trữ (Cờ Lao Trắng), Ho Kỳ (Cờ Lao Xanh).

Người Cờ Lao cư trú trên sườn núi cao dốc đá tai mèo, sống định cư thành làng bản, có từ 15 đến 20 nóc nhà. Nhà ở là kiểu nhà đất truyền thống có một gian hai chái, mái lợp bằng cỏ tranh hoặc bằng phen nứa, vách nhà bưng ván hay tấm liếp. Riêng đối với nhóm người Cờ Lao Đỏ ở nhà trình tường đất.

Trang phục truyền thống của phụ nữ Cờ Lao vẫn được bảo lưu đến ngày nay. Người phụ nữ mặc hai áo, áo ở ngoài tay ngắn hơn áo ở trong, để lộ những miếng vải màu đắp trên tay áo trong. Hiện nay chỉ còn lại một số bà già nhóm Cờ Lao Đỏ là mặc váy, còn nhìn chung các nhóm Cờ Lao phụ nữ đều là mặc quần.

2. Dân tộc Pu Páo

Dân tộc Pu Páo chủ yếu cư trú tập trung ở ven biên giới Việt - Trung tại các xã phổ Lả, Sùng Chéng, thuộc huyện Đồng Văn, ngoài ra còn ở rải rác trong một số xã thuộc hai huyện Yên Minh, Mèo Vạc tỉnh Hà Giang. Họ tự gọi là Ka Beo, tên Pu Páo do người Tày, Nùng gọi, nay đã trở thành tộc danh.

Người Pu Páo từ lâu đã sống định cư, nhưng họ lại ở rải rác thành từng xóm, chỉ có 4 đến 5 gia đình phân tán trong 8 xã thuộc huyện Đồng Văn. Nhà ở truyền thống của người Pu Páo là nhà sàn, nhưng gần đây, người Pu Páo đã làm nhà đất như người Hoa, người Mông và các dân tộc khác ở trong vùng làm nhà theo kiểu hai mái, không có chái, tường trình đất hoặc bưng bằng ván.

Trang phục của người Pu Páo: Phụ nữ mặc hai

¹ Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam, (1978), *Các dân tộc ít người ở phía Bắc*, NXB. Khoa học Xã hội, Hà Nội.

² Hoàng Lương, (2002), *Lễ hội truyền thống các dân tộc thiểu số ở miền Bắc Việt Nam*, NXB. Văn hóa Dân tộc, Hà Nội.

áo, áo ngoài chẻ ngực không có khuy để cài, chiếc áo trong cài khuy bên nách phải, trông giống áo của người phụ nữ Giáy, phụ nữ người Cờ Lao. Phụ nữ Pu Páo thường mặc áo dài đen, bên ngoài có yếm, trang trí trên y phục chủ yếu bằng cách gập các miếng vải màu lại với nhau, tóc vẫn trước được gài bằng chiếc lược gỗ bên ngoài phủ tấm khăn vuông, có trang trí hoa văn nhiều sắc màu sắc sỡ. Trang phục của đàn ông thì đơn giản với bộ quần áo nhuộm màu chàm, cũng giống như các dân tộc khác ở miền núi.

Mỗi độ Tết đến xuân về người Pu Páo cũng chuẩn bị náo nức gói bánh chưng đen vào tối 29 Tết Nguyên Đán để kết thúc một năm cũ, đồng thời nhà nào cũng gói bánh chưng trắng vào tối 30 tết để mừng năm mới cầu vận may, cúng tổ tiên. Người Pu Páo có tục kiêng kỵ trong ba ngày Tết không được rửa bát đĩa, chỉ dùng giấy bản để lau qua ngày mừng ba Tết đến ngày 13 tháng giêng (âm lịch) mới làm lễ Pan ong (ép nước) cho cả xóm hay cả bản (tương tự như lễ động thổ của người Việt), với nội dung mở đầu cho vụ mùa, bắt tay vào sản xuất của một năm mới, cầu mong cho dân bản yên vui, nhà nhà được hạnh phúc, ngô lúa xanh tươi.

Người Pu Páo là một trong số ít dân tộc ở nước ta hiện nay còn sử dụng trống đồng, xưa kia thì trống đồng được sử dụng phổ biến, ngày nay chỉ được dùng trong ngày lễ làm chay. Người Pu Páo có hai loại trống đồng, một loại có tên gọi là lung quan trống to, nhưng loại trống này tiếng đánh không có độ ngân dài vang xa, còn một loại nữa có tên là lung mayh trống nhỏ, tiếng trống đánh, vang dội hơn.

Người Pu Páo dùng trống bao giờ cũng có đôi gồm có trống “đực” và trống “cái”. Khi sử dụng trống xong họ cất trên sàn gác, rất kiêng kỵ khi không có việc mà xô dịch, đưa ra khỏi vị trí nơi cất trống, vì thế họ có quan niệm hồn của ngô, của lúa cất sọt tiếng trống vì nên họ làm chay sau khi mùa màng đã thu hoạch trước khi đưa ra sử dụng phải làm lễ cúng từng chiếc trống. Trống được treo ở cạnh cửa ra vào, trống “đực” ở bên trái, trống “cái” ở bên phải, hai mặt trống quay vào nhau, người đánh trống đứng ở giữa, dùng củ chuối gõ vào mặt trống theo sự điều khiển (ra điệu bộ bắt nhịp) của thầy cúng, theo tiếng trống đồng mọi người dự lễ đều vui mừng nhảy múa và hát, lễ hội này kéo dài suốt một ngày đêm.

3. Dân tộc La Chí

Dân tộc La Chí chủ yếu cư trú tại các xã Bản Phụng, Bản Dú, Bản Pảng và Bản Mây thuộc huyện Xin Mần. Ngoài ra họ còn cư trú ở hai huyện Hoàng Su Phì, Bắc Quang tỉnh Hà Giang và một bộ phận khác ở các huyện Mường, Bắc Hà thuộc tỉnh Lào Cai.

Người La Chí có nhiều tên gọi khác nhau như: Thổ Đen, Mán La Chí, Xá, nhưng tên La Chí là tên gọi một tộc danh được phổ biến hơn cả. Cù Tê là tên tự gọi, theo cách giải thích của người La Chí, Cù là người, Tê là dân tộc. Ở mỗi địa phương lại có tên tự gọi riêng.

Nhà của người La Chí được cấu trúc nhà rừ sàn

nửa đất, phần nền đất là nơi đặt bếp đun, phần sàn làm nơi ở, là nơi hoạt chủ yếu của gia đình, ba mặt của phần nhà nền đất, tường dày cao sát mái.

Trang phục của người La Chí giản dị không cầu kỳ. Nam giới mặc áo dài, màu chàm, cài khuy bên nách trái, đầu để tóc dài, đội khăn xếp; phụ nữ đa số mặc quần, một số ít mặc váy giống người Tày, mặc áo dài hở ngực không có khuy, nhưng lại có chiếc thắt lưng bằng vải, yếm và cổ áo được thêu bằng chỉ nhiều màu rất đẹp.

Người La Chí có vốn văn học dân gian phong phú, có thần thoại truyền thuyết và nhiều truyện cổ tích nói về nguồn gốc đất đã sinh vạn vật và muôn loài, trong đó có người La chí cũng nhiều dân tộc khác. Các truyện tiêu biểu là truyện Pù Lô Tô đề cập đến nguồn gốc cộng đồng của người La Chí, truyện kể về cụ tổ Hoàng Dìn Thùng, nhiều truyện phản ánh các hiện tượng tự nhiên như truyện: Vì sao có mặt trời mặt trăng, truyện nguồn gốc cây lúa và phong tục tập quán, quan hệ xã hội v.v...

Vào dịp các ngày lễ ngày Tết trai gái thường mặc đẹp tụ tập để hát đối đáp với nhau ở một bãi rộng, nhất là ngày Tết Nguyên Đán họ chơi nỉ khum (ném cộn), nỉ cồ (đánh quay), nỉ kè kè (đánh đu thăng bằng), Tết tháng tám (com mới), họ chọi đu dây (pi cúng vầy), các em nhỏ thì thích chơi ông phốc. Trong những ngày vui này, trai gái hát nỉ ca, giống hát lượn bằng tiếng Tày, chơi đàn lĩnh ba dây, thổi khèn lá của các chàng trai cất lên réo rắt hẹn hò với bạn gái, có địa phương còn dùng cả trống chiêng cho thêm phần náo nhiệt.

4. Dân tộc Bô Y

Dân tộc Bô Y gồm có hai nhóm địa phương, nhóm cư trú ở huyện Quản Bạ (Hà Giang) vẫn được gọi là Bô Y (nhóm này có dân số ít hơn), còn nhóm cư trú ở hai tỉnh Yên Bái và Lào Cai được gọi là Tu Dí (nhóm này có dân số đông hơn). Nhóm Bô Y hiện nay vẫn duy trì tiếng nói mẹ đẻ của mình, còn nhóm Tu Dí phải dùng tiếng Hán để quan hệ giao tiếp trong cuộc sống hàng ngày.

Người Bô Y ở nhà đất khung gỗ hoặc tre khá vững chắc, cấu trúc theo kiểu nhà người Việt ba gian hai chái mái vuông, xung quanh trình tường, lợp bằng cộ gianh phía trước có hàng hiên. Hiện nay, có nhiều gia đình đã thay mái gianh bằng mái ngói, nhà có hai cửa ra vào, cửa chính ở gian giữa, cửa phụ ở thềm hồi, thỉnh thoảng cũng xuất hiện thấy có nhà có hàng hiên bốn mặt, cửa phụ dùng để xuống bếp đun nấu, trên nhà có hai cửa sổ trông ra hàng hiên để thoáng mát chống được ẩm ướt của vùng núi cao quanh năm sương mù bao phủ.

Đặc điểm nhà ở của người Bô Y là nhà nền đất nhưng nhà nào cũng có gác xếp lưng chừng dùng làm nơi bảo quản cất giữ thóc gạo, ngô khoai, sắn, lạc vừng và là nơi ngủ của thanh niên chưa vợ.

5. Dân tộc Mảng

Dân tộc Mảng cư trú ở miền núi Tây Bắc nước ta nằm giữa sông Đà và sông Nậm Na, ở một số xã thuộc các huyện Sin Hồ, Mường Tù, Phong Thổ, Mường Lay, tỉnh Điện Biên và tỉnh Lai Châu.

Làng của người Mảng (muy) thông thường có mấy chục nóc nhà sàn quần tụ trên đỉnh đồi hay bên sườn núi. Nhà của người Mảng nhỏ bé đơn sơ có hai mái, cửa ra vào mở về phía hai hồi, kết cấu của bộ khung sử dụng kỹ thuật ngoàm vào buộc, hai đầu mái không có khâu cút như nhà của người Thái mà kiến trúc nhà hơi cong lên gọi là Phường nhua, đó là ngôi nhà và làng truyền thống của người Mảng.

Người Mảng hàng ngày ăn hai bữa trưa và tối, họ ăn uống rất sơ sài, gạo sử dụng bữa nào giã bữa ấy bằng chày tay có gỗ, ngô ăn giã nhỏ đem nấu thành cháo đặc, thực phẩm măng và các loại rau rừng luộc chấm muối, đôi khi có chút ít tôm cá, thịt thú rừng nhỏ săn bắt được, hàng năm họ ít có dịp ăn mổ các loại gia súc gia cầm.

Trang phục của người Mảng đàn ông mặc giống người Thái, chỉ có phụ nữ mặc váy dài (thông thường là họ mua hoặc trao đổi hàng hóa với người Thái) chiếc áo cánh ngắn xẻ ngực, ở cánh tay và thân trước được khâu nổi những mảnh vải màu đỏ, để trang trí cho thêm phần sắc sỡ, đồng thời choàng cả tấm vải trắng, chéo qua bên nách buông xuống gối, có trang trí hoa văn đỏ, hoặc xanh trên nền trắng cho duyên dáng với đôi chân quấn xà cạp.

Phụ nữ Mảng cắt tóc ngắn vuốt ngược lên đỉnh đầu tạo thành hình một cái chòm tóc. Trong xã hội cổ truyền trước kia của người Mảng, con gái lớn đến tuổi tìm hiểu xây dựng gia đình, thì phải thực hiện tục xăm quanh mồm và xăm tai để đeo vòng kim loại, nó là nét đẹp độc đáo của người phụ nữ Mảng, cũng hiếm thấy ở các cư dân láng giềng khác.

Tuy có sự khác nhau trong vùng cư trú, cảnh quan môi trường và văn hoá nhưng trong quá trình cộng cư, giao tiếp với nhau từ hàng nghìn năm trong lịch sử, các dân tộc miền núi phía Bắc đã hoà nhịp cùng nhau tạo nên vẻ đẹp riêng của mỗi tộc người hòa chung trong bức tranh các tộc người ở nước ta. Trước những thực tế đang diễn ra trong tình hình hiện nay, việc bảo tồn, gìn giữ di sản văn hoá các dân tộc có dân số ít ở vùng miền núi phía Bắc đang trở nên cấp thiết. Sự giao thoa văn hóa, biến đổi văn hóa bởi những thay đổi trong lối sống, ảnh hưởng

của xu thế hiện đại hoá, văn hoá đô thị và văn hóa ngoại nhập đang làm mất dần đi bản sắc tộc người của các dân tộc.

Một trong những phương thức có thể bảo tồn và phát huy được di sản văn hoá của đồng bào các dân tộc là phải tổ chức bảo vệ những di sản đó từ cộng đồng làng bản. Bên cạnh việc đầu tư tổ chức nghiên cứu, sưu tầm các di sản văn hoá, cần phải đề cho các di sản đó sống trở lại và thực sự có ý nghĩa trong cộng đồng chủ nhân của nó. Đây cũng là cơ hội để chúng ta phát triển du lịch cộng đồng và du lịch sinh thái gắn với văn hoá. Để có được những kết quả đó, theo chúng tôi cần phải đồng thời tiến hành nhiều hoạt động:

- Tổ chức phổ biến các tư liệu về di sản văn hoá của đồng bào, tuyên chọn và giới thiệu rộng rãi ý nghĩa, tính độc đáo và giá trị của nó.

- Đầu tư xây dựng các mô hình làng văn hoá gắn với hoạt động du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng để các di sản đó thực sự đang sống và trở nên có ý nghĩa trong cộng đồng dân cư.

- Tổ chức truyền đạt cho các thế hệ trẻ những kiến thức, cách sử dụng và là chủ nhân thực sự của di sản đó. Phục hồi các di sản văn hoá phải thực hiện từ cộng đồng, xuất phát từ nhu cầu thực tế của người dân và qua đó, bản sắc văn hoá của tộc người có thể được lưu truyền và phát huy qua nhiều thế hệ, được giữ gìn và phát triển trong tương lai.

Tài liệu tham khảo

- [1] Hoàng Lương, (2002), *Lễ hội truyền thống các dân tộc thiểu số ở miền Bắc Việt Nam*, NXB. Văn hóa Dân tộc, Hà Nội;
- [2] Võ Quang Nhơn, (1984), *Văn học dân gian các dân tộc thiểu số ở Việt Nam*, NXB. Đại học và Trung học chuyên nghiệp, Hà Nội;
- [3] Hoàng Lương, (2002), *Lễ hội truyền thống các dân tộc thiểu số ở miền Bắc Việt Nam*, NXB. Văn hóa Dân tộc, Hà Nội;
- [4] Sở Văn hóa thông tin Việt Bắc, (1974), *Bước đầu tìm hiểu vốn văn nghệ Việt Bắc*, NXB. Việt Bắc.
- [5] Đỗ Minh, (1975), *Bước đầu tìm hiểu ca nhạc dân gian Việt Bắc*, NXB. Việt Bắc.

THE PRESERVATION OF THE TRADITIONAL CULTURAL HERITAGE OF ETHNIC MINORITIES WITH VERY FEW PEOPLE IN THE CONTEXT OF DEVELOPMENT AND INTEGRATION

Dang Thi Hoa

Abstract: In the present context, the preservation, promotion and conservation of traditional cultural heritages of ethnic minorities are becoming essential. The cultural intercourse, the cultural change due to changes in lifestyle, the influence of the trend of modernization, urban culture and foreign culture has gradually lost the ethnic identity of ethnic groups. The preservation and promotion of the cultural heritages of ethnic minorities should be initiated by the research, collection, embellishment, restoration and creation of a development environment for the relics to be alive and really meaningful in the community of nations. The article highlights the traditional cultural values of some very few ethnic minority people in the North Mountain Region. This analysis of traditional cultural values has provided practical solutions for preserving and promoting these fine cultural values.

Keywords: Material cultural heritage; intangible cultural heritage; preserving the traditional cultural heritage; cultural heritage of ethnic minorities with very few people